

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HS-ST
Ngày 08 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ân, ông Lý A Tồn.

- T ký phiên toà: Bà Hồ Quỳnh Trang là T ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2021 đối với.

Bị cáo: **Trần Văn L**; sinh năm: 1972, tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D (đã chết) và bà Lưu Thị T (đã chết); có vợ: sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn với Hoàng Thị N, sinh năm 1982 (đã ly hôn) và con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 08/HS-ST ngày 26/3/1996 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang đã xử bị cáo Trần Văn L 06 (sáu) tháng tù về tội “hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của công dân”, đã được xóa án tích; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị hại: Anh Giàng Văn A, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Vàng Văn T. Vắng mặt.

2. Anh Cháng Văn H. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Giáy*: Ông Lâm Văn Nghiêm; nơi cư trú: Tổ 4 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 09/5/2021 Trần Văn L một mình đi bộ vào trang trại của Giàng Văn A thuộc thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang, thấy cửa chính không khóa, không ai trông coi, L đi thẳng vào trong tìm kiếm tài sản và phát hiện chiếc máy chế biến thức ăn chăn nuôi, L dùng hai tay nhấc chiếc máy trên từng bước một đi ra ngoài cửa chính, do chiếc máy nặng nên L quay lại trang trại tìm được một đoạn dây thừng và dùng dây thừng buộc vào chiếc máy thành hai quai (như quai đeo ba lô) rồi đeo vào di chuyển chiếc máy theo đường ruộng và giấu chiếc máy vào bụi chuối gần đường rồi đi về nhà gọi điện cho cháu là Vàng Văn T, trú tại thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang để nhờ chở hộ máy về nhưng không liên lạc được, đến khoảng một tiếng sau thì thấy T chở mợ là Vàng Thị P, sát cạnh nhà L về. Sau đó T sang nhà L chơi thì L nhờ T đi chở hộ chiếc máy về nhưng không nói cho T biết là máy gì, ở đâu. T chở L theo chỉ dẫn của L đến nơi giấu chiếc máy, T và L bê chiếc máy để lên sau yên xe của T và dùng dây cao su ở yên xe buộc cố định chiếc máy. T chở chiếc máy về nhà, L đi bộ theo sau, T đi qua nhà Giàng Văn A, trú tại thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang thì A phát hiện và dừng xe hỏi T về nguồn gốc của chiếc máy T đang chở. Lúc này L đi bộ đến và thừa nhận với A đã lấy chiếc máy ở trang trại của A và xin lỗi, lúc này T mới biết máy là do L lấy trộm cắp được. Sau đó A gọi điện thoại cho Cháng Văn H là công an viên thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y lập biên bản về sự việc và báo cáo cho Công an thị trấn Y và Công an huyện Y đến giải quyết vụ việc.

Bản Kết luận số 13/KL-HĐĐGTS, ngày 12/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, tỉnh Hà Giang, kết luận 01 (một) máy chế biến thức ăn chăn nuôi đa năng Công nghệ xanh, được sản xuất tại Cơ sở chế tạo máy Đinh Văn G (Cơ khí Trí Đ); địa chỉ: Thôn 11, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, máy đã được đăng ký độc quyền sáng chế, MS: TĐ-01-SM có giá trị 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (một) chiếc máy chế biến thức ăn chăn nuôi đa năng màu xanh, trắng tình trạng cũ đã qua sử dụng.

- 01(một) chiếc điện thoại nhãn hiệu KINGGREAT T15, loại điện thoại bàn phím, màu đen đỏ, số IMEI 1: 355969111479934; IMEI 2: 355969111580939, đã qua sử dụng tạm giữ của Trần Văn L.

- 01(một) chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG A31, loại màn hình cảm ứng, màu đen, số IMEI (khe sim 1): 354565112371145; IMEI (khe sim 2): 354566112371143, đã qua sử dụng tạm giữ của anh Vàng Văn T.

- 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α , màu đỏ, biển số đăng ký: 33R1-9971, không kiểm tra tình trạng bên trong xe, xe đã qua sử dụng tạm giữ của anh Vàng Văn T.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu các vật chứng trên theo Quyết định xử lý vật chứng số: 05/QĐ ngày 28/6/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Giàng Văn A đã nhận lại tài sản của mình và không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với Vàng Văn T, sinh năm 1984, trú tại thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang là người được L nhờ chở giúp chiếc máy nghiền đa năng, nhưng T không biết đó là tài sản do L trộm cắp nên cơ quan Điều tra không đề cập xử lý.

Bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS-YM ngày 25/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 (ba mươi sáu) đến 48 (bốn mươi tám) tháng. Giao bị cáo L cho UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Về vật chứng, trách nhiệm dân sự: Bị cáo, bị hại không ai có ý kiến đề nghị gì về vật chứng, bị hại anh Giàng Văn A không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không đề cập. Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền và miễn án phí đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí đối với bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội chưa gây ra thiệt hại, bị cáo không đi học nên trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo là trụ cột gia đình. Do vậy người bào chữa cho bị cáo không có

đề nghị gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Về tội danh, áp dụng điều luật, mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo, người bào chữa có cùng quan điểm với Viện kiểm sát nên Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo, bị hại nhất trí với Cáo trạng và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, không ai có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến đối đáp, tranh luận thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị xử lý về hình sự là đúng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, nghe lời khai của bị cáo, lời bào chữa của người bào chữa, bị hại, người làm chứng và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt những người làm chứng nhưng trước đó họ đã có lời khai ở Cơ quan điều tra lưu trong hồ sơ vụ án; xét thấy việc những người làm chứng vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo trước tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản, sơ đồ, bản ảnh xác định hiện trường; biên bản, sơ đồ, bản ảnh thực nghiệm điều tra, biên bản,

bản ảnh kiểm tra điện thoại, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng với toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn L một lần nữa thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể bị cáo một mình đột nhập vào trang trại của anh Giàng Văn A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 (một) chiếc máy chế biến thức ăn chăn nuôi đa năng Công nghệ xanh có giá trị 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Bản Kết luận định giá số 13/KL-HĐĐGTS, ngày 12/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, tỉnh Hà Giang.

[5] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo về tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y là có căn cứ, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Trần Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được luật hình sự bảo vệ, trong khi bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nhằm chiếm đoạt tài sản, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã thực hiện, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện mới bảo đảm việc giáo dục bị cáo trở thành người tốt, biết tuân thủ các quy định của pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và chưa gây thiệt hại, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bị cáo là trụ cột trong gia đình và được anh A làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa đối với bị cáo.

[9] Về nhân thân: Bị cáo có một án tích năm 1996 đã được xóa, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là trụ cột trong gia đình do vậy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội, nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo như Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo đã đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo được sự giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định được, bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, là người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Đối với các vật chứng đã tạm giữ trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 05/QĐXLVC ngày 28/6/2021 là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Đối với Vàng Văn T, sinh năm 1984, trú tại thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang là người được bị cáo nhờ chở giúp chiếc máy nghiền đa năng nhưng T không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp, cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[14] Về án phí: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa: Căn cứ nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện và đề nghị tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn L, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn L 19 (mười chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 38 (ba mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08/9/2021.

Giao bị cáo Trần Văn L cho Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự: Miễn nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự cho bị cáo Trần Văn L.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKS tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 10, PC 11, PV 06 Công an tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Cơ quan THAHS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh